

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DS - ST
Ngày 19/7/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Nguyễn Công Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 75/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐST - DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

(Ông C ủy quyền cho bà P)

2. Ông Thái Văn T, sinh năm 1951; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Trước năm 2019, bà có bán sò cho vợ chồng bà P, ông C, khi mua có lần bà P, ông C trả tiền đầy đủ cũng có lần thiếu lại, việc mua bán là nhiều lần. Đến ngày 01/01/2019, hai bên tổng kết nợ là vợ chồng bà P, ông C còn nợ tiền mua bán sò của bà C với tổng số tiền là 80.000.000 đồng nhưng bà P, ông C chưa trả tiền cho bà.

Trong tháng 3/2020, bà P, ông C có mượn của bà số tiền 70.000.000 đồng, mục đích là để làm vốn mua bán cá, tôm, khi mượn có hứa là 3 – 4 tháng sẽ trả lại cho bà nhưng đến hạn bà P, ông C không trả tiền cho bà.

Tổng cộng bà P, ông C nợ bà số tiền 150.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị P, ông Trần Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền mua bán sò là 80.000.000 đồng, lãi từ ngày 01/01/2019 đến khi trả xong nợ gốc tạm tính đến ngày 01/02/2022 là 37 tháng với mức lãi suất là 01%/tháng với số tiền lãi là 29.600.000 đồng; và tiền vay 70.000.000 đồng, lãi từ ngày 01/3/2020 đến khi trả xong nợ gốc tạm tính đến ngày 01/02/2022 là 23 tháng với mức lãi suất 01%/tháng với số tiền là 16.100.000 đồng, tổng cộng là 195.700.000 đ (một trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Tuy nhiên, sau khi bà khởi kiện thì bà P và ông C có trả được cho bà số tiền gốc 20.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền gốc là 130.000.000 đồng, nay bà yêu cầu bà P và ông C liên đới trả cho bà số tiền gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi tính chung là 20.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng. Bà tự nguyện đồng ý cho bà P và ông C liên đới trả dần số tiền 150.000.000 đồng, thời gian cho trả dần: từ nay cho đến Tết năm 2023 (nhằm ngày 01/01/2023 dương lịch) trả số tiền 50.000.000 đồng, từ ngày 01/02/2023 dương lịch thì mỗi tháng cho trả dần với số tiền 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà không yêu cầu bà P và ông C liên đới trả lãi đối với số tiền 130.000.000 đồng từ ngày 02/02/2022 đến ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị P – đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C trình bày:

Bà thừa nhận là tính đến thời điểm hiện nay vợ chồng bà còn nợ bà C số tiền 130.000.000 đồng, bà cũng đồng ý vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền gốc 130.000.000 đồng, đồng ý trả tiền lãi là 20.000.000 đồng, tổng cộng đồng ý

trả số tiền 150.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế hiện đang khó khăn nên xin trả dần từ nay đến Tết trả số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại thì sau Tết xin trả dần mỗi tháng với số tiền là 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn T trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà C, số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng 150.000.000 đồng như trình bày ở trên là tiền của vợ ông là bà Nguyễn Thị C nên bà P và ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C 150.000.000 đồng. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 25.700.000 đồng đối với bà P và ông C, không yêu cầu bà P và ông C trả số tiền lãi 25.700.000 đồng. Nhận thấy, việc bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn C liên đới trả số tiền gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bà P thừa nhận vợ chồng bà còn nợ và đồng ý trả cho bà C số tiền gốc và lãi là 150.000.000 đồng. Đây là sự thừa nhận của bị đơn nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ghi nhận bà C tự nguyện cho bà P và ông C liên đới trả dần số tiền 150.000.000 đồng, thời gian và số tiền cho trả dần như sau: từ nay cho đến Tết dương lịch năm 2023 (nhằm ngày 01/01/2023) trả số tiền 50.000.000 đồng, từ ngày 01/02/2023 thì mỗi tháng cho trả số tiền 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[4] Ghi nhận bà C không yêu cầu bà P và ông C liên đới trả tiền lãi đối với số tiền 130.000.000 đồng từ ngày 02/02/2022 đến ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét yêu cầu của bà P về việc xin trả dần số tiền nợ 150.000.000 đồng, thời gian và số tiền xin trả dần: từ nay đến Tết trả số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại thì sau Tết xin trả dần mỗi tháng với số tiền là 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ không được bà C chấp nhận và không phù hợp với quy định pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí DS - ST có giá ngạch: 7.500.000 đồng do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận toàn bộ nên bà P và ông C phải liên đới nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 92, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn C liên đới trả số tiền lãi là 25.700.000đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và nợ lãi là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ghi nhận bà C tự nguyện cho bà P và ông C liên đới trả dần số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), thời gian và số tiền cho trả dần như sau: từ nay cho đến Tết dương lịch năm 2023 (nhằm ngày 01/01/2023) trả số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), từ ngày 01/02/2023 thì mỗi tháng cho trả dần với số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn C có nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Do bà Nguyễn Thị C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi C THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Lâm